

Bản án số: **07/2020/LĐ-PT**

Ngày 12-5-2020

V/v tranh chấp tiền lương ngừng việc

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Triệu Thị Huỳnh Hoa;

*Các Thẩm phán:* Bà Hà Thị Thanh Nữ;

Bà Phan Thị Thu Hương.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Hữu Học - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:** Bà Đặng Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 12 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2020/TLPT-LĐ, ngày 14 tháng 02 năm 2020 về: “*Tranh chấp tiền lương ngừng việc*”.

Do Bản án lao động sơ thẩm số: 28/2019/LĐ-ST, ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 09/2020/QĐ-PT, ngày 11 tháng 3 năm 2020, thông báo về việc thay đổi lịch xét xử số 08/TB-TA ngày 16 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1989.

Địa chỉ: 376/B, ấp P, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Tấn T, sinh năm 1976.

Địa chỉ: 14 H, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. (Văn bản ủy quyền ngày 27/3/2018).

**- Bị đơn:** Công ty cổ phần H.

Địa chỉ: Đường Đ, khu phố 8, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn K – Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1968.

Địa chỉ: 7/2, tổ 24, khu phố 4, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.  
(Văn bản ủy quyền ngày 07/5/2018).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bảo hiểm xã hội tỉnh Đ.

Địa chỉ: 219 H, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Minh T, sinh năm 1968, chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đinh Thị Phương H – Phó chánh văn phòng – Bảo hiểm xã hội tỉnh Đ. (Văn bản ủy quyền số 03/GUQ-BHXXH ngày 03/3/2020).

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Công ty cổ phần H.

(Bà Nguyễn Thị A có mặt; ông Lê Tấn T, bà Đinh Thị Phương H có đơn xin xét xử vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo nội dung đơn khởi kiện nộp ngày 21/12/2017 và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:*

Bà Nguyễn Thị T được Công ty cổ phần H (Công ty) nhận vào làm việc từ tháng 06/2013, với hình thức hợp đồng lao động không xác định thời hạn. Ngày 01/6/2016, giữa các bên tiếp tục ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn số 164/HĐLĐ-CPHV. Công việc của bà T là nhân viên thống kê sản xuất, mức lương từ ngày 01/6/2016 là 5.176.500 đồng/tháng.

Từ tháng 7/2016 đến tháng 12/2016, Công ty bố trí cho bà T ngừng việc 35 ngày và trong năm 2017 ngừng việc 81 ngày, tổng cộng là 116 ngày. Công ty trả lương ngừng việc bằng mức lương tối thiểu vùng do Nhà nước quy định, năm 2016 là 3.500.000đ/tháng và năm 2017 là 3.750.000đ/tháng.

Nhận thấy việc Công ty trả tiền lương ngừng việc cho bà T bằng mức lương tối thiểu vùng do Nhà nước quy định mà không thỏa thuận với bà T là không đúng quy định của pháp luật. Bà T khởi kiện đề nghị Tòa án buộc Công ty phải thanh toán tiền lương ngừng việc còn thiếu, cụ thể:

- Tiền lương ngừng năm 2016 là:  $(5.176.500đ - 3.500.000đ)/26 \text{ ngày} \times 35 \text{ ngày} = 2.257.000đ$ ;

- Tiền lương ngừng việc năm 2017 là:  $(5.176.500đ - 3.750.000đ)/26 \text{ ngày} \times 81 \text{ ngày} = 4.444.000đ$ .

Tổng cộng là: 6.701.000 đồng.

*Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty cổ phần H trình bày:*

Bà T được Công ty nhận vào làm việc từ tháng 06/2013 theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn. Ngày 01/6/2016, giữa các bên tiếp tục ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn số 164/HĐLĐ-CPHV, công việc là nhân viên thống kê sản xuất, mức lương là 5.176.500 đồng/tháng. Công ty thống nhất với trình bày của bà T về số ngày ngừng việc nhưng không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T, cụ thể:

Do ảnh hưởng của Luật phòng chống tác hại của thuốc lá và cam kết thực hiện Công ước khung về kiểm soát thuốc lá (FCTC) của Việt Nam đã tác động trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh, nên Công ty phải thu hẹp sản xuất, chấm dứt hoạt động của nhiều chi nhánh trực thuộc. Do đó, Công ty phải cho người lao động ngừng việc vì lý do kinh tế theo khoản 3 Điều 98 Bộ luật lao động năm 2012.

Ngày 01/6/2016, Công ty ban hành Thông báo số: 294/TB-CPHV về việc ban hành Thỏa ước lao động tập thể năm 2016 – 2018 (được đại diện người sử dụng lao động và đại diện tập thể người lao động ký ngày 26/4/2016). Công ty đã thỏa thuận với người lao động bằng hình thức lấy ý kiến trực tiếp thông qua bản dự thảo cho người lao động đóng góp ý kiến, các xí nghiệp trực thuộc tổng hợp gửi về Công ty để thông qua. Theo Điều 12 của Thỏa ước lao động tập thể thì tiền lương trả cho người lao động được thực hiện theo Quy chế phân phối tiền lương, tiền thưởng của Công ty.

Ngày 28/01/2016, Công ty ban hành Quyết định số: 19/QĐ-CPHV về việc ban hành Quy chế phân phối tiền lương, tiền thưởng (có hiệu lực từ ngày 01/01/2016). Quy chế phân phối tiền lương, tiền thưởng đã tham khảo ý kiến đóng góp của toàn thể đơn vị trực thuộc, tổ chức đại diện tập thể lao động trước khi ban hành. Theo Điều 19 của Quy chế phân phối tiền lương, tiền thưởng thì nhân viên phải tạm ngừng việc theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 98 của Bộ luật lao động được hưởng 100% lương tối thiểu vùng do Chính phủ quy định. Như vậy, Công ty trả tiền lương ngừng việc cho bà T bằng mức lương tối thiểu vùng năm 2016 là 3.500.000 đồng/tháng và năm 2017 là 3.750.000 đồng/tháng là đúng với Thỏa ước lao động tập thể và Quy chế phân phối tiền lương, tiền thưởng.

*Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội tỉnh Đ trình bày:*

Bà T có quá trình tham gia đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 07/2013 đến tháng 04/2018 là 04 năm 10 tháng và tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp từ tháng 07/2013 đến tháng 04/2018 là 04 năm 04 tháng tại Công ty cổ phần H.

*Tại Bản án lao động sơ thẩm số: 28/2019/LĐ-ST, ngày 25 tháng 11 năm 2019, Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa áp dụng: Điều 93, 98 và 202 Bộ luật Lao động năm 2012; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.*

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T đối với bị đơn Công ty cổ phần H về việc “tranh chấp tiền lương ngừng việc”.

Buộc Công ty cổ phần H phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị T số tiền 6.701.000 đồng tiền lương ngừng việc còn lại của năm 2016 và năm 2017.

Về án phí: Buộc Công ty cổ phần H phải chịu 300.000đ án phí lao động sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 16/12/2019, bị đơn Công ty cổ phần H kháng cáo toàn bộ bản án, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phát biểu:*

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong vụ án đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung kháng cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa phúc thẩm: Ông Lê Tấn T - người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị T, bà Đinh Thị Phương H - người đại diện theo ủy quyền của Bảo hiểm xã hội tỉnh Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông T, bà H.

[2] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án, thời hiệu khởi kiện: Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quy định pháp luật.

[3] Về nội dung kháng cáo của Công ty cổ phần H:

Các đương sự thống nhất thời gian Công ty cho bà T nghỉ ngừng việc năm 2016 là 35 ngày và năm 2017 là 81 ngày, tổng cộng 116 ngày. Tiền lương ngừng việc Công ty đã giải quyết trả cho bà T căn cứ mức lương tối thiểu vùng (năm 2016 là 3.500.000 đồng/tháng và năm 2017 là 3.750.000 đồng/tháng).

Bà T xác định lỗi ngừng việc là của Công ty và Công ty trả lương ngừng việc bằng mức lương tối thiểu vùng như nêu trên nhưng không có thỏa thuận với bà là không đúng quy định pháp luật. Do đó, bà T yêu cầu Công ty trả tiền lương ngừng việc theo hợp đồng lao động còn thiếu năm 2016 và 2017, tổng cộng là 6.701.000 đồng. Theo Công ty, do thực hiện cam kết quốc tế và Luật phòng chống tác hại của thuốc lá buộc Công ty phải thu hẹp sản xuất dẫn đến cho bà T ngừng việc lý do kinh tế, nên Công ty trả lương ngừng việc cho bà T là căn cứ vào thỏa thuận của hợp đồng lao động, Thỏa ước lao động tập thể và Quy chế phân phối tiền lương, tiền thưởng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Công ty trực thuộc Tổng Công ty Thuốc lá V, ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu là trồng trọt, thu mua và chế biến nguyên liệu thuốc lá. Từ năm 2014 đến năm 2017, Công ty chấm dứt hoạt động của nhiều chi nhánh tại Long An, Khánh Hòa, Phú Yên, Bình Định, An Giang, Bình Thuận, Bà Rịa – Vũng Tàu, Đồng Nai. Như vậy, có căn cứ chứng minh do thực hiện Công ước khung về kiểm soát thuốc lá của Tổ chức Y tế thế giới (FCTC), Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá và các quy định của nhà nước về kiểm soát thuốc lá, cũng như “Chiến lược quốc gia phòng, chống tác hại của thuốc lá đến năm 2020” của Thủ tướng Chính phủ với mục tiêu là “Giảm nhu cầu sử dụng và kiểm soát để từng bước giảm mức cung cấp các sản phẩm thuốc lá tiêu thụ tại thị trường Việt Nam nhằm giảm nguy cơ bệnh tật và tử vong do sử dụng thuốc lá gây ra”, đã buộc Công ty phải thu hẹp quy mô sản xuất dẫn đến gặp khó khăn về kinh tế, doanh số hàng năm bị giảm. Do đó, việc Công ty cho bà T ngừng việc năm 2016 và 2017 là có lý do kinh tế theo khoản 3 Điều 98 Bộ luật lao động năm 2012.

Khi thanh toán tiền lương ngừng việc, Công ty cho rằng đã thỏa thuận với người lao động theo Thỏa ước lao động tập thể (năm 2016 – 2018) và Quy chế

phân phối tiền lương, tiền thưởng đã được lấy ý kiến thống nhất của đại diện tập thể người lao động và các xí nghiệp trực thuộc trước khi ban hành nên trả tiền lương ngừng việc cho bà T bằng mức lương tối thiểu vùng. Xét việc Công ty ban hành Thỏa ước lao động tập thể và Quy chế phân phối tiền lương, tiền thưởng là đúng quy định pháp luật nhưng theo quy định tại khoản 3 Điều 98 Bộ luật lao động năm 2012, khi ngừng việc, người sử dụng lao động phải thỏa thuận với từng người lao động về tiền lương ngừng việc. Mặt khác, tại Kết luận số 490/KL-TTr, ngày 30/11/2017, Thanh tra Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội kiến nghị Công ty thỏa thuận tiền lương ngừng việc với người lao động. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T về tranh chấp tiền lương ngừng việc, buộc Công ty phải trả cho bà T tiền lương ngừng việc còn thiếu năm 2016 và năm 2017 với số tiền là 6.701.000 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật. Vì vậy, kháng cáo của Công ty là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Công ty cổ phần H phải chịu án phí lao động sơ thẩm là 300.000 đồng và án phí lao động phúc thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty cổ phần H, giữ nguyên Bản án lao động sơ thẩm số: 28/2019/LĐ-ST, ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

- Áp dụng các Điều 93, 98, 202 Bộ luật Lao động năm 2012; Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T đối với bị đơn Công ty cổ phần H về tranh chấp tiền lương ngừng việc.

Buộc Công ty cổ phần H phải trả thêm tiền lương ngừng việc cho bà Nguyễn Thị T số tiền 6.701.000 đồng (sáu triệu bảy trăm lẻ một nghìn đồng).

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng

người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí: Công ty cổ phần H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm và 300.000 đồng án phí phúc thẩm. Được tính trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp (theo biên lai số: 0008065, ngày 13/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai), Công ty cổ phần H phải nộp tiếp số tiền án phí là 300.000 đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND TP. Biên Hòa;
- Chi cục THADS TP. Biên Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Triệu Thị Huỳnh Hoa**